

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- I. Các sự kiện quan trọng
- II. Quá trình phát triển

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- I. Các nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm
- II. Các thay đổi chủ yếu
- III. Thay đổi thành viên HĐQT và BKS trong năm
- IV. Triển vọng và kế hoạch trong năm

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- I. Báo cáo tình hình tài chính
- II. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- III. Các tiến bộ đã đạt được
- IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty nắm giữ vốn cổ phần của Tân Hóa

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- I. Cơ cấu tổ chức
- II. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Giám Đốc
- III. Thay đổi Giám đốc trong năm
- IV. Quyền lợi của Ban Giám Đốc
- V. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- I. Hội Đồng Quản Trị
- II. Ban Kiểm Soát
- III. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- I. Báo cáo của Ban Giám Đốc
- II. Báo cáo của Kiểm toán viên
- III. Bảng cân đối kế toán
- IV. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- V. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- VI. Thuyết minh báo cáo tài chính

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG:

- Tên gọi Công ty:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN HÓA
- Tên giao dịch:
TAN HOA PLASTIC JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: VIKY PLASTIC Co.
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
(Tám mươi tỷ đồng chẵn).
- Địa chỉ: 101 Tân Hóa, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 39692 394 – 38589 148 – 38582 676 Fax: (84.8) 39692084
- E-mail: tanhoasplastic@hcm.vnn.vn Website: www.tanhoaplastic.com.vn

- Quyết định chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Hóa số 7592/QĐ-UB-KT do Chủ Tịch UBND Thành Phố Hồ Chí Minh ký ngày 10 tháng 12 năm 1999.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103000108 nay được đổi lại số 0300627056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.
Đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 07 năm 2000
Đăng ký lần thứ 7 ngày 10 tháng 08 năm 2009
- Mã số thuế: 0300627056
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh được cấp phép bao gồm: Sản xuất các loại bao bì nhựa, bao bì PP dệt và các sản phẩm khác bằng nhựa từ màng siêu mỏng và màng phức hợp; in trên bao bì nhựa; các ngành nghề khác thuộc lĩnh vực bao bì nhựa theo qui định của Nhà nước.
- Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân) : 22

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT:

I- CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

- Công ty cổ phần Nhựa Tân Hóa (VIKYPLASTIC Co) được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Xí Nghiệp Nhựa Tân Hóa theo Quyết định số 7592/QĐ-UB-KT do Chủ Tịch UBND Thành Phố Hồ Chí Minh ký ngày 10 tháng 12 năm 1999, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 06 năm 1999.

- Ngày 03/07/2000, Công ty cổ phần Nhựa Tân Hóa chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo Giấy phép Niêm yết số 44/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám Đốc Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 31/03/2008.
- Cổ phiếu của Công ty CP Nhựa Tân Hóa chính thức niêm yết và giao dịch trên sàn của Sở Giao Dịch TP.HCM kể từ ngày 19/06/2008 với
Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán : VKP
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng CP đã được lưu ký : 7.389.202 CP
Số lượng CP chưa lưu ký : 610.798 CP

II- QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty CP Nhựa Tân Hóa là sản xuất kinh doanh các sản phẩm màng nông nghiệp, thủy hải sản; các loại màng mỏng phức hợp PE, OPP; bao bì dẹt PP dùng cho ngành thức ăn gia súc phân bón; bao bì mềm cao cấp dùng đựng hàng hóa và túi xách ghép màng với PP dẹt dùng trong siêu thị; kinh doanh các vật tư nguyên liệu ngành nhựa.

Năm 2001: Từ số vốn cổ phần hóa nhỏ ban đầu là 4,7 tỷ, Công ty đã mạnh dạn đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất màng đa năng Châu Âu bao gồm: máy thổi 3 lớp, máy in Flexo 8 màu, máy ghép không dung môi, máy chia cuộn trị giá 30 tỷ đồng từ nguồn vốn vay của Ngân hàng.

Năm 2004: Công ty đầu tư tiếp dây chuyền dẹt bao PP từ Đài Loan và Trung Quốc bao gồm: máy kéo chỉ, hệ thống máy dẹt bao PP các loại trị giá 8 tỷ đồng. Đến tháng 9/2004, Công ty lại tiếp tục đầu tư 01 dàn máy tráng ghép màng phức hợp của Hàn Quốc trị giá 4 tỷ đồng. Tất cả được đầu tư từ nguồn thuê mua tài chính.

Công ty đã tiến hành hoạt động với mô hình hai Nhà máy: Nhà máy bao bì PP và Nhà máy bao bì cao cấp – xuất khẩu. Công ty cũng đã khai trương Cửa hàng trưng bày sản phẩm và kinh doanh nguyên vật liệu ngành nhựa vào ngày 30/10/2004.

Năm 2005: Công ty đầu tư một máy seal ống và một máy cắt túi cho mặt hàng bao bì mềm trị giá 71,500.00 USD của Hàn Quốc; 10 máy dẹt khổ lớn trị giá 100,000.00 USD của Đài Loan.

Năm 2006: Công ty tiếp tục đầu tư một máy in bao bì nhựa PS-RW-C1064 trị giá 66,000.00 USD của Trung Quốc.

Năm 2007: Nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, tập trung sản xuất để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường; Công ty một lần nữa đã tăng vốn điều lệ từ 33 tỷ lên 80 tỷ đồng thông qua kênh thị trường Chứng khoán.

Năm 2008: Công ty đã tiến hành thành lập thêm Công ty TNHH 1 Thành Viên Nhựa Tân Hóa Long An tại KCN Tân Đức - Long An và được đầu tư bằng nguồn vốn thặng dư và nguồn vốn vay Ngân hàng, với toàn bộ hệ thống dây chuyền sản xuất của Châu Á và Châu Âu với tổng diện tích xây dựng 2,8ha/5,07ha đất trong 50 năm trong tổng mức vốn đầu tư khoảng 118 tỷ đồng.

Hiện nay, thị trường nội địa chính của Công ty là cung cấp sản phẩm bao bì đựng thức ăn chăn nuôi gia súc, nuôi tôm cá, phân bón, màng phủ nông nghiệp, màng Địa kỹ thuật lót đầm nuôi tôm, lót hồ xử lý nước thải cho các Công ty lớn trong nước như: Cargiil, Proconco, Baconco, Tomboy, Greenfeed, Anco, Uni-President, Guyomarc'h VN, Vạn Sanh, CJ Vina, Đạm Phú Mỹ, Đông A Đà Lạt ...; Các loại bao bì mềm cho các Công ty như: Giấy Sài Gòn, Sông Đuống,... Thị trường xuất khẩu, chủ yếu là các loại túi xách dùng trong siêu thị như: ECOFRANCE, EPLASTIC PROCUREMENT CENTER, LUCKY PARIS CO.,LTD ...; Màng phủ nông nghiệp, màng phủ nhà kính cung cấp cho thị trường các tỉnh trong nước và thị trường xuất khẩu Úc.

Trong những năm gần đây, các sản phẩm của Công ty được khách hàng và các tập đoàn trong và ngoài nước đánh giá cao về chất lượng cũng như dịch vụ nhờ đó uy tín của thương hiệu TÂN HÓA - VIKY PLASTIC ngày càng nâng cao.

Nhằm khai thác triệt để những lợi thế về tài sản thương hiệu cũng như dựa vào đặc điểm của sản phẩm ngành bao bì nhựa là sản phẩm tái chế lại được và bảo đảm về vấn đề môi trường, Công ty đã chọn phương án tập trung đầu tư đa dạng hoá các loại sản phẩm nhằm tạo ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về mặt địa lý, có nhu cầu lớn trong các ngành nông nghiệp, thủy sản... tại miền Tây và miền Trung.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

I- CÁC NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009.

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 đến năm 2009 là năm có dấu hiệu phục hồi khả quan hơn. Qua những biến động lớn đó, chúng tôi phải gánh vác những trọng trách trên vai với những nhiệm vụ đối nội, đối ngoại rất phức tạp và đầy thử thách của thị trường Việt Nam và thị trường nước ngoài. Đầu năm 2009 Chúng tôi đã thực hiện dự án di dời và tập trung sản xuất về một nhà máy. Để hình thành một nhà máy mới với một cái tên gọi mới: Công ty TNHH MTV nhựa Tân Hóa – Long An, đặt tại KCN Tân Đức tỉnh Long An.

Bên cạnh đó, chúng tôi phải lo củng cố tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì cả nhân sự lẫn phát triển đơn đặt hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là phát triển mạnh việc sản xuất hàng xuất khẩu, ổn định đời sống anh em công nhân viên có được một cuộc sống ổn định về tinh thần và vật chất. Đó là điều mà chúng tôi trăn trở nhiều nhất trong năm vừa qua.

Tuy nhiên, bên cạnh việc phải phấn đấu để hoàn thành những tiêu chí nói trên, chúng tôi đã và đang phải cố gắng và cố gắng thật nhiều, nhất là việc củng cố nhân sự và sắp xếp lại bộ máy thật chỉnh chu hơn nữa, hoàn thiện hơn nữa để phát triển hơn nữa, quyết tâm không để tồn đọng những tiêu cực như của những năm tháng đã qua. Quyết tâm đấu tranh với những tiêu cực của ban điều hành, phát hiện và xử lý kịp thời những sai phạm của các cá nhân đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyết không để ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh của Công ty và phải mang nhiều lợi nhuận trong năm 2010.

Trong bối cảnh khó khăn chung và những khó khăn riêng đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Chi phí hoạt động sản xuất và kinh doanh tăng cao đã làm giảm tính cạnh tranh của công ty với các Công Ty khác.
- Giá nguyên vật liệu tiếp tục tăng và có diễn biến phức tạp khó lường của thị trường thế giới
- Quản lý, sử dụng vốn không hiệu quả, đầu tư máy móc chưa hợp lý, dẫn đến việc cung thừa so với cầu.

Trong thực tiễn đó, Hội đồng Quản trị Công ty đã xác định:

- Bằng mọi cách phải duy trì và phát triển các thị trường và sản phẩm truyền thống của Công ty như đẩy mạnh thị trường xuất khẩu, tận dụng công suất máy móc dư thừa quay trở lại với sản phẩm màng phủ nông nghiệp, màng phủ nhà kính, chọn lọc lại khách hàng, cắt giảm những đơn đặt hàng không có tính hiệu quả, khách hàng nhỏ lẻ...
- Nâng cao tính cạnh tranh thông qua chất lượng sản phẩm và tìm mọi cách tiết giảm chi phí để hạ giá thành để cạnh tranh với các đơn vị bạn.

Với mục tiêu chiến lược được xác định, HĐQT, Ban điều hành và gần 500 cán bộ công nhân viên công ty đã cố gắng nỗ lực sản xuất vượt lên những thách thức, khó khăn trên để thực hiện công tác quản trị và kinh doanh tốt hơn năm vừa qua. Kết quả hoạt động trong năm 2009 như sau

- Tổng doanh thu: 293.113.693.133 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: -8.077.375.798 đồng

- Lợi nhuận sau thuế: -8.077.375.798 đồng

B. Những sự kiện nổi bật và thay đổi trong năm 2009

1. Thành viên Hội đồng Quản trị & Ban Kiểm soát trong năm 2009:

a. Hội đồng Quản trị

- | | | |
|---------------------------|----------|---------------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Minh Châu | Chủ tịch | miễn nhiệm ngày 16/5/2009 |
| - Bà Đỗ Thị Lan Chi | Chủ tịch | P.CT bổ nhiệm CT ngày 21/5/2009 |
| - Ông Nguyễn Huy Chính | Ủy viên | bổ nhiệm 20/6/2000 |
| - Ông Nguyễn Huy Cao An | Ủy viên | bổ nhiệm ngày 16/5/2009 |
| - Ông Trương Tứ Đệ | Ủy viên | bổ nhiệm 30/6/2008 |
| - Bà Huỳnh Lê Mỹ Thi | Ủy viên | bổ nhiệm 30/6/2008 |

b. Ban Kiểm soát

- | | |
|---------------------------|------------|
| - Ông Phạm Đức Trình | Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan | Ủy viên |
| - Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh | Ủy viên |

2. Năm 2009 Công ty Cổ phần nhựa Tân Hóa thực hiện dự án di dời tập trung phát triển sản xuất về KCN Tân Đức tỉnh Long An. Công trình được xây dựng đến đâu thì triển khai sản xuất đến đó nên gặp rất nhiều khó khăn và thiếu thốn trong điều kiện tổ chức sản xuất.

Trong quá trình di dời nhà máy thì việc di chuyển nhân công cũng là vấn đề gây nhiều khó khăn tốn kém như việc phải đầu tư mua xe buýt đưa rước, chi phí vận hành đưa đón hoặc phải trợ cấp tiền thuê nhà, tiền xăng dầu cho một số đối tượng sử dụng phương tiện cá nhân để đi lại làm việc hoặc phải di chuyển nhà trọ theo dự án di dời của công ty.

3. Việc xây dựng cơ bản đã hoàn tất từ giữa năm 2009 đến nay nhưng chưa thể quyết toán hoàn công vì nhiều lí do khác nhau. Trong đó có lí do quan trọng là: giá đấu thầu công trình được duyệt là 36,8 tỷ, sau khi xây dựng xong, hồ sơ quyết toán từ nhà thầu thông báo là 60 tỷ, sau đó nhà thầu điều chỉnh thông báo lần 2 lại thành 64 tỷ. Hồ sơ sự việc tranh chấp này đã được chuyển cho cơ quan chức năng giải quyết.
4. Trong cuối năm 2008 và năm 2009 đã phát hiện sai phạm của nguyên Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc là bà Nguyễn Thị Minh Châu khi tự ý cho bán nhựa của Công ty để giải quyết việc chi hoa hồng cho khách hàng nhưng không thông qua ý kiến HĐQT. Vụ việc đã được đưa ra cơ quan chức năng thụ lý, đến nay đã thu hồi hơn 14,5 tỷ, cơ quan chức năng đang tiếp tục điều tra làm rõ và đang chờ kết quả.
5. Đến cuối năm 2009 tiếp tục phát hiện sự việc thành lập “quỹ đen” tại công ty từ năm 2005. Trong đó có các khoản chi lớn là chi hợp lý nhưng không hiểu tại sao kế toán lại chi từ khoản “quỹ đen” này. Ngoài ra, qua kiểm tra của BKS có các khoản chi không rõ lí do khoảng 5-6 tỷ đồng. Vụ việc này HĐQT cũng đã chuyển cơ quan chức năng điều tra làm rõ.

Qua nhiều sự việc như trên thì từ khi phát hiện ra những sai phạm đến nay HĐQT và BKS đã họp đến hơn 30 phiên để giải quyết. Đến nay vẫn chưa có kết luận chính thức, HĐQT và BKS tiếp tục phối hợp cùng các cơ quan chức năng để điều tra làm rõ.

C. Kế hoạch hoạt động năm 2010

Năm 2010, dự đoán tình hình chung vẫn còn rất nhiều khó khăn. Thị trường và môi trường kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng đáng kể, thị trường vốn nói chung và nguồn

vốn Công ty nói riêng có nhiều khó khăn và bị hạn hẹp. Nguồn vốn vay Ngân Hàng trước đây do Giám Đốc và Kế Toán Trưởng đã thực hiện không đúng kế hoạch phục vụ sản xuất của Công Ty đã sử dụng quá lớn nguồn vốn vay vào việc đầu tư máy móc thiết bị dư thừa cho nên không cân đối được thu chi dẫn đến nợ quá hạn cho đến thời điểm này là hơn 13 tỷ đồng . Hiện nay HĐQT và Ban Giám Đốc mới đang khẩn trương huy động vốn từ các thành viên HĐQT và các mạnh thường quân giúp đỡ nhằm giải quyết những khó khăn trên. Trong bối cảnh này, Hội đồng Quản trị xác định và định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2010 như sau:

- Tiếp tục phát triển các thị trường và sản phẩm truyền thống như xuất khẩu, màng phủ nông nghiệp, màng phủ nhà kính bao bì PP nội địa , bao ghép cao cấp v.v..
- Cơ cấu và phát triển các dự án phù hợp với nguồn lực hiện có của Công ty trên cơ sở: Cho thuê hoặc hợp tác kinh doanh
- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty phù hợp với môi trường và quy mô của Công ty trong giai đoạn mới
- Cơ cấu và tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành để đạt được mục tiêu năm 2010 và mục tiêu dài hạn.

Căn cứ những dự đoán của thị trường, nhận thức trách nhiệm trước Cổ đông và cân nhắc nội lực của Công ty, HĐQT đăng ký kế hoạch kinh doanh năm 2010 với các chỉ tiêu được xác định trong bảng tóm tắt sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010	Tăng trưởng
1	Doanh thu	1.000 đ	293.113.693	300.000.000	
2	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	- 8.077.375	9.000.000	
3	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ		7.650.000	

Năm 2010, để đạt được những chỉ tiêu đăng ký trên, Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình trong việc định hướng phát triển Công ty , tăng cường công tác quản trị, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ban điều hành nhằm đạt được độ an toàn và hiệu quả cao nhất có thể cho đồng vốn đầu tư của các Cổ đông tại Công ty.

Trong kỳ Đại hội này, HĐQT phải báo cáo với Quý Cổ đông Công ty về một số sai phạm nghiêm trọng trong công tác chỉ đạo, điều hành của nguyên Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty , của Giám đốc và Kế toán trưởng đương nhiệm khi đã buông lỏng công tác quản lý không hoàn thành chức năng nhiệm vụ được giao, vi phạm nguyên tắc chế độ quản lý kinh tế tài chính theo pháp luật quy định

HĐQT sẽ trình Đại hội về việc bãi nhiệm thành viên HĐQT đối với thành viên là Giám đốc và Kế toán trưởng. Sau Đại hội ngày 25/4/2010 này HĐQT sẽ quyết định cách chức 2 thành viên nói trên.

Đại hội sẽ chất vấn, thảo luận nhiều vấn đề trong đó có những vấn đề trên theo chương trình nghị sự Ban tổ chức đã thông qua trình Đại hội

Hội Đồng Quản Trị chỉ đạo Ban Giám Đốc và các phòng nghiệp vụ thực hiện các thủ tục và báo cáo theo đúng qui định của Ủy Ban Chứng khoán và Sở Giao Dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

II- CÁC THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM:

Hội Đồng Quản Trị thường xuyên giám sát Ban điều hành về việc cân đối giữa một bên là sức ép của nền kinh tế vừa lạm phát xong rồi đến giảm phát phi mã với một bên là những rủi ro tiềm tàng phát sinh trong quá trình nền kinh tế Việt Nam nói riêng và nền kinh tế toàn cầu nói chung không ổn định về tăng trưởng và từ những bất cập khác trong sản xuất ngành nhựa và các ngành kinh tế khác.

Hội Đồng Quản Trị cũng đã chuẩn bị cho việc bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2008-2013 đồng thời thông qua việc điều chỉnh bổ sung một số chức năng nhằm hoạt động tốt hơn trong điều kiện gặp khó khăn tài chính tạm thời .

III- THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2009 như sau:

Bà Nguyễn Thị Minh Châu	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/05/2009
Ông Nguyễn Huy Cao An	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16/05/2009
Bà Đỗ Thị Lan Chi	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30/06/2008 (Chủ tịch, bổ nhiệm ngày 21/5/2009)
Ông Nguyễn Huy Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2000
Bà Huỳnh Lê Mỹ Thi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2008
Ông Trương Tứ Đê	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2008

Các thành viên của Ban Ban Kiểm soát trong năm 2009 như sau:

Ông Phạm Đức Trình	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh	Ủy viên	bổ nhiệm ngày 30/06/2008

IV- TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI:

Với tốc độ thay đổi, dấu hiệu hồi phục suy thoái kinh tế và khủng hoảng tài chính nhanh của nền kinh tế hiện nay, Tân Hóa chủ trương tăng trưởng trong tầm kiểm soát và chỉ tăng trưởng nếu kiểm soát được rủi ro.

Trước những thách thức của năm 2009 và những năm tiếp theo, Tân Hóa nỗ lực biến thách thức thành cơ hội. Đó là theo dõi và dự đoán các diễn biến của tình hình giá xăng dầu thế giới, tình hình khắc phục khủng hoảng của thị trường tài chính để đưa ra các quyết định sản xuất

kinh doanh phù hợp. Đó là tìm kiếm cơ hội kinh doanh trong một thị trường cạnh tranh gay gắt giữa các ngành sản xuất bao bì nhựa trong nước và nước ngoài.

Trên cơ sở tham khảo các mô hình quản trị của các Doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa trong và ngoài nước, các qui định của pháp luật Việt Nam về quản trị doanh nghiệp, và mô hình quản trị hiện nay của mình; Tân Hóa từ năm 2009 luôn hướng tới quản trị, điều hành theo tập quán thực hành tốt nhất. Hội Đồng Quản Trị Tân Hóa còn bao gồm thành viên Ban điều hành để tạo mối nối giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban điều hành trong quá trình quản trị và điều hành. Đó là quá trình tách biệt giữa chủ sở hữu, công tác quản trị và công tác điều hành nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông nói riêng và của các bên liên quan nói chung.

Với đòi hỏi đó, Tân Hóa thường xuyên xây dựng và điều chỉnh chiến lược phát triển, có đội ngũ cán bộ năng động nhạy bén có chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, có giải pháp tổ chức thực hiện chiến lược và chương trình hành động cũng như kiểm soát tốt rủi ro trong tình hình kinh tế khủng hoảng hiện nay, và biết lựa chọn thời điểm thích hợp trong quá trình thực thi.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

I- BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Stt	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	134.001.768.903	156.629.242.292
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.404.164.236	2.832.250.924
2	Các khoản phải thu	43.235.028.954	55.154.527.831
3	Hàng tồn kho	70.171.940.182	76.805.760.273
4	Tài sản ngắn hạn khác	16.190.635.531	21.836.703.264
II	Tài sản dài hạn	161.596.223.995	185.768.323.711
1	Tài sản cố định	160.150.420.386	184.898.579.588
	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	34.722.769.003	28.423.740.032
	<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	-	-
	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	207.312.693	143.683.473
	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	125.220.338.690	156.331.156.083
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
3	Tài sản dài hạn khác	1.445.803.609	869.744.123
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	295.597.992.898	342.397.566.003
IV	Nợ phải trả	142.272.477.548	197.390.371.346
1	Nợ ngắn hạn	111.735.327.818	117.143.371.346
2	Nợ dài hạn	30.537.149.730	80.247.000.000
V	Vốn chủ sở hữu	153.325.515.350	145.007.194.657
1	Vốn chủ sở hữu	152.727.979.029	144.650.603.231
	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	80.000.000.000	80.000.000.000
	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	62.691.707.800	62.691.707.800
	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	6.139.666.270	6.139.666.270
	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	2.448.155.304	2.448.155.304
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	1.448.449.655	(6.628.926.143)
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	597.536.321	356.591.426
	<i>Quỹ khen thưởng và phúc lợi</i>	597.536.321	356.591.426
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	295.597.992.898	342.397.566.003

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.129.722.727	294.202.040.914
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	716.208.656	1.088.347.781
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.413.514.071	293.113.693.133
4	Giá vốn hàng bán	91.619.945.277	274.950.484.465
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.793.568.794	18.163.208.668

6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.138.081.902	3.397.128.249
7	Chi phí tài chính	4.799.920.616	16.486.221.330
8	Chi phí bán hàng	1.417.990.779	2.942.247.584
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.082.016.183	10.321.060.423
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-5.368.276.882	-8.189.192.420
11	Thu nhập khác	1.163.951.033	1.180.793.686
12	Chi phí khác	562.931.160	1.068.977.064
13	Lợi nhuận khác	601.019.873	111.816.622
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-4.767.257.009	-8.077.375.798
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-4.767.257.009	-8.077.375.798
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (*)		

II- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

NĂM 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	TM	QUÍ IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	94.129.722.727	75.001.553.429	294.202.040.914	392.234.118.837
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		716.208.656	10.716.090	1.088.347.781	409.874.482
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		93.413.514.071	74.990.837.339	293.113.693.133	391.824.244.355
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	91.619.945.277	71.219.002.678	274.950.484.465	369.852.489.795
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.793.568.794	3.771.834.661	18.163.208.668	21.971.754.560
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2.138.081.902	210.255.421	3.397.128.249	3.871.268.861
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	4.799.920.616	3.922.366.361	16.486.221.330	12.774.561.961
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.523.291.631</i>	<i>2.413.902.453</i>	<i>6.533.871.546</i>	<i>6.317.908.835</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1.417.990.779	917.008.755	2.942.247.584	2.665.177.319
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.082.016.183	2.656.765.245	10.321.060.423	8.845.596.382
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		-5.368.276.882	-3.514.050.279	-8.189.192.420	1.557.687.759
11. Thu nhập khác	31		1.163.951.033	682.662.348	1.180.793.686	1.510.391.869
12. Chi phí khác	32		562.931.160	1.278.025.210	1.068.977.064	1.730.422.404
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		601.019.873	-595.362.862	111.816.622	-220.030.535

14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		-4.767.257.009	-4.109.413.141	-8.077.375.798	1.337.657.224
15.	Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.30				494.505.409
16.	Chi phí Thuế TNDN hoãn lãi	52	VI.30				
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		-4.767.257.009	-4.109.413.141	-8.077.375.798	843.151.815
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

III- CÁC TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

Về cơ cấu tổ chức và quản lý: Có thể nói năm 2009 là năm có các thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức của Tân Hóa. Tân Hóa đã triển khai thành lập Công ty mẹ con hoạt động theo hình thức chuyển vốn và hạch toán độc lập.

Về vốn hoạt động: Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính khủng hoảng kinh tế, Tân Hóa đã gặp rất nhiều khó khăn và kết quả đã thua lỗ .

Về phát triển hình thức kinh doanh: Năm 2009 là năm chứng kiến nỗ lực tối đa trong việc linh động đa dạng hóa hình thức kinh doanh.

IV- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI:

A. TỔNG QUAN:

1. Đánh giá chung:

Dự kiến trong năm 2010, nền kinh tế Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 5–6%, Các doanh nghiệp trong nước đứng trước rất nhiều khó khăn do cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu gây ra. Vì vậy, trên những nền tảng đã được xây dựng trong các năm qua, xác định đây là năm mà Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Hóa cần phải vượt qua nhiều thử thách và cũng là cơ hội để công ty chiếm lĩnh và gia tăng thị phần của mình .

2. Các căn cứ:

- Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2009.
- Nhu cầu phát triển của thị trường .
- Tình hình thực tế về khả năng phát triển của Công ty.
- Các thuận lợi và khó khăn của Thị trường cũng như của nội tại Công ty.
- Các nhân tố khách quan ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

B. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU:

1. Các lĩnh vực hoạt động trong năm 2010:

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa hiện đang kinh doanh các sản phẩm truyền thống như bao bì PP dùng trong lĩnh vực đóng gói thức ăn gia súc, gạo, đường, phân bón, lương thực thực phẩm, ... Ngoài ra, Công ty đã và đang phát triển các sản phẩm cạnh tranh phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng như bao bì mềm phức hợp, bao bì túi xách trong các tập đoàn siêu thị, các loại màng nông nghiệp, màng phủ hồ nuôi tôm, màng phủ nhà kính.

2. Các hoạt động về vốn:

- Không tăng vốn điều lệ trong năm 2010.
- Huy động vốn từ các nguồn khác để đầu tư như: vay Ngân hàng, thuê tài chính.
- Bán bớt tài sản không cần dùng để bổ sung vốn kinh doanh.

3. Nhân sự:

- Củng cố, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Nâng cao khả năng nghiệp vụ chuyên môn.
- Đào tạo và nâng cao kỹ năng phục vụ, giao tiếp đối với nhân viên trực tiếp.

4. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Đảm bảo giữ vững và nâng cao thu nhập của người lao động cao hơn năm 2009.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi : Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ khác.
- Thưởng: tăng từ 5 đến 10% so với năm 2009.

5. Các lĩnh vực hoạt động chính trong năm 2010:

a) Lĩnh vực, sản xuất, kinh doanh:

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm trong và ngoài nước. Nâng cao thương hiệu Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Hóa .
- Xây dựng một mô hình quản lý phù hợp, năng động nhằm phát triển hơn nữa tiềm lực của công ty.
- Tăng doanh thu xuất khẩu, giảm tối đa nhập khẩu các nguyên vật liệu đầu vào chỉ nhập khẩu những nguyên vật liệu khó mua tại thị trường trong nước, hạn chế vay nợ bằng ngoại tệ để tránh phát sinh chênh lệch tỷ giá.

b) Hoạt động tiếp thị và quảng bá thương hiệu:

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động quảng bá thương hiệu, nâng cao hình ảnh của Công ty
- Đảm bảo thực hiện việc công bố thông tin theo Luật nhằm đảm bảo cho các cổ đông thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động và phát triển của Công ty.

- Nâng cấp và phát triển hơn nữa website.
- Tham gia các hoạt động xã hội, phát huy hơn nữa truyền thống của Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Hóa.

c) Hoạt động Đầu tư:

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục theo quy định công trình xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Đức.
- Tiến hành công tác chuyển vốn, tài sản, máy móc thiết bị về công ty TNHH MTV nhựa Tân hóa Long An

6. Những thuận lợi:

Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Hóa là một trong những nhà sản xuất hàng đầu trong lĩnh vực bao bì của Việt Nam, với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại đáp ứng đủ các yêu cầu về chất lượng cũng như số lượng cho các đối tượng khách hàng trong và ngoài nước. Thương hiệu Nhựa Tân Hóa đã khẳng định được tên tuổi trên thị trường trong nước và quốc tế.

Hiện nay, toàn bộ dự án di dời nhà xưởng cơ bản đã hoàn chỉnh, máy móc thiết bị đã được di dời và lắp đặt hoàn chỉnh tại nhà xưởng sản xuất tại Long an, công suất máy móc thiết bị vận hành hiện tại đạt khoảng 80 % công suất thiết kế, mỗi ngày cho ra khoảng 25 tấn sản phẩm các loại.

7. Khó khăn.

Sự biến động liên tục giá cả của các nguyên vật liệu đầu vào theo chiều hướng tăng làm giá thành sản phẩm tăng. Sự cạnh tranh của thị trường bao bì trong và ngoài nước đòi hỏi công ty phải có những biện pháp phù hợp để giữ được thị trường nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, để giữ được khách hàng công ty vẫn chưa điều chỉnh được giá bán tương ứng với giá nguyên vật liệu đầu vào.

Cùng với một số chi phí khác phát sinh tăng như: Chi phí khấu hao do đưa máy móc thiết bị đầu tư mới vào sử dụng , chi phí tiền lương tăng , phát sinh các chi phí đưa rước công nhân do làm việc tại Nhà máy Long An,phát sinh tăng đây giá thành sản phẩm tăng nhưng sức tiêu thụ của thị trường giảm do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế nên giá bán đầu ra không tăng tương ứng, làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nhu cầu lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề luôn thiếu, trình độ quản lý chưa theo kịp với yêu cầu tăng trưởng của công ty.

C. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ LỢI NHUẬN NĂM 2010:

Căn cứ vào phương hướng và mục tiêu cho năm 2010, kế hoạch kinh doanh được xây dựng như sau:

a). Lĩnh vực hoạt sản xuất:

1. Thị trường tiêu thụ:

Với các Công ty lớn tại Việt Nam như CARGILL, BACONCO, GREENFEED, UNI-PRESIDENT, CT TNHH KIÊN HÙNG, CT TNHH Sợi Dệt May Việt Nhật, CT TNHH Minh Hưng Tiền Giang, Công ty TNHH SX-TM DV Đông A Đà Lạt, Công ty Nông Dược Hai Qui Nhơn, Công ty TNHH Cám Vàng ... Công ty ký các hợp đồng nguyên tắc cả năm và làm theo kế hoạch hàng hàng tháng của khách. Việc này đã và đang được thực hiện trong nhiều năm nay.

Với các đơn hàng xuất khẩu cho các nhà tiêu thụ như INTERMACHÉ, CARREFOUR, EUROPE PACKING, ECOFRANCE, Công ty PP HORTICO PTY LTD thực hiện theo L/C cho từng nửa năm hoặc các đơn hàng D/P cho từng quý. Vì vậy có thể nói, Công ty có đầu ra rất ổn định, công việc luôn là áp lực để thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

2. Thị trường cung cấp nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu chính được Công ty dùng để sản xuất ra sản phẩm là hạt nhựa PE, PP, PA,... phụ gia, hoá chất, hạt màu và các nguyên phụ liệu khác được nhập khẩu từ nước ngoài và mua trong nước.

- Hạt nhựa PE: Được cung cấp bởi tập đoàn Dow (USA), Exxonmobil (USA), Hyundai (Korea), Hanwha Corporation (Korea), Mitsubishi (Korea),...
- Hạt nhựa PP: Được cung cấp bởi Aisa Focus (Korea), Daelim (Korea), Lotte Trading Co., Ltd (Korea),...
- Phụ gia, hoá chất và các nguyên phụ liệu khác: Được cung cấp bởi tập đoàn pemla Inc (Canada), DY-Vina Chemical Co.,Ltd (Korea), Exxonmobil Chemical Asia Pacific (Singapore),...

b). Lĩnh vực kinh doanh nhựa :

- Ngoài việc củng cố và phát triển các hoạt động sản xuất chính của công ty , Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Hóa tiếp tục triển khai việc kinh doanh nhựa trong sau tháng cuối của năm 2010.

3. Kế hoạch doanh thu SX, kinh doanh ,lợi nhuận 2010:

a) Kế hoạch năm 2010

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2009	Năm 2010	Tỷ lệ
			Thực hiện	Kế hoạch	tăng/ giảm(%)
1	Sản lượng SX		11,343.30	6,270	-45%
	- TP Màng	Tấn	659.3	1,970	199%
	- TP dệt NĐ	Tấn	3,156.30	1,600	-49%
	- TP Dệt XK	Tấn	1,081.90	2,700	150%

	Kinh doanh Nhựa	Tấn	6,445.80		-100%
2	Doanh thu	1000đ	334,111,551	300,870,000	-10%
	Doanh thu thuần	1000đ	333,101,664	300,000,000	-10%
	- Bao bì NĐ và màng	1000đ	127,400,000	165,000,000	30%
	- Bao bì Xuất khẩu	1000đ	45,000,000	135,000,000	200%
	- Kinh doanh Nhựa	1000đ	160,701,664		-100%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1000đ	65,744	4,058,563	
3	Doanh thu khác	1000đ	1,180,793		
4	Tổng Chi phí	1000đ	384,616,405	294,780,000	-23%
	- Giá vốn	1000đ	342,449,091	259,500,000	-24%
	- Tài chính		21,106,034	20,100,000	-5%
	- Bán hàng		2,695,695	3,335,000	24%
	- Quản lí DN		12,058,315	11,845,000	-2%
	- Khác	1000đ	6,307,270		
5	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	(50,268,204)	9,278,563	
6	Thuế TNDN			2,319,641	
7	Lợi nhuận sau thuế			6,958,922	
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ			9%	

Căn cứ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm 2010:

- Nhà xưởng rộng rãi, khang trang, môi trường làm việc thuận tiện.
- Máy móc, trang thiết bị hiện đại, công suất lớn, chất lượng sản phẩm cao, tính cạnh tranh cao.
- Hiện đang mở rộng một số khách hàng tiềm năng: Tập đoàn siêu thị Carrefour chính thức sẽ đặt hàng với số lượng lớn (Trung bình từ 30 cont tương đương 4.200.000 cái/ tháng). Hiện tại công ty đang mở rộng thị trường màng phủ đồng xuất sang Úc – Công ty PP HORTICO PTY LTD Do vậy, doanh thu năm 2010 sẽ tăng trưởng cao so với năm 2009.
- Cùng với việc tăng doanh thu, lợi nhuận năm 2010 cũng tăng do

Hạn chế rủi ro:

- **Rủi ro quản trị nhân sự:**

Củng cố, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Nâng cao khả năng nghiệp vụ chuyên môn.

Đào tạo và nâng cao kỹ năng phục vụ, giao tiếp đối với nhân viên trực tiếp

Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào: do giá cả biến động liên tục theo chiều hướng tăng, để ổn định tình hình sản xuất nên Công ty phải bắt buộc phải dự trữ tồn kho ít nhất là 03 tháng.

Rủi ro chính sách tỷ giá: Do ảnh hưởng lớn từ vấn đề tỷ giá USD tăng để hạn chế chênh lệch tỷ giá tăng cao khi nhận nợ bằng ngoại tệ để nhập nguyên liệu, công ty buộc phải mua các nguyên liệu trong nước chỉ nhập khẩu các nguyên liệu không mua được trên thị trường Việt Nam.

b). Thực hiện 04 tháng đầu năm 2010:

Tháng 01/2010			15,814,151,000	
STT	Diễn giải	SL bán (Kg)	Doanh thu (đ)	Ghi chú
1	Màng các loại	48.823	1.534,378,000	
2	Thành phẩm dẹt nội địa	186.806	5.525.600,000	
3	Giỏ xuất khẩu	127,367	5.829.174,000	324,098 USD
4	Hạt nhựa	123.750	2.924.999,000	
Tháng 02/2010			13,498,318,000	
STT	Diễn giải	SL bán (Kg)	Doanh thu (đ)	Ghi chú
1	Màng các loại	21.181	802.206,000	
2	Thành phẩm dẹt nội địa	155.943	4.730.089,000	
3	Giỏ xuất khẩu	120.697	5.375.123,000	299,600 USD
4	Hạt nhựa	100.000	2.590.900,000	
Tháng 03/2010			22,380,775,714	
STT	Diễn giải	SL bán (Kg)	Doanh thu (đ)	Ghi chú
1	Màng các loại	55,084	3,537,272,028	
2	Thành phẩm dẹt nội địa	224,395	7,227,339,903	
3	Giỏ xuất khẩu	140,584	6,707,163,783	256,212.16 USD
4	Hạt nhựa	200,000	4,909,000,000	
Tháng 04/2010			18,707,600,958	

STT	Diễn giải	SL bán (Kg)	Doanh thu (đ)	Ghi chú
1	Màng các loại	25,443	1,217,567,485	
2	Thành phẩm dệt nội địa	157,210	5,510,365,369	
3	Giỏ xuất khẩu	99,929	4,856,043,104	261,866 USD
4	Hạt nhựa	269,500	7,123,625,000	
TỔNG CỘNG:		2,088,535	70,547,146,965	1,142,586.16 USD

D. KẾ HOẠCH VAY VỐN VÀ TRẢ NỢ NGÂN HÀNG

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2009	Kế hoạch năm 2010
1	Doanh thu	392,234	334,111	300,870
2	Các khoản giảm trừ	410	1,010	870
3	Doanh thu thuần	391,824	333,101	300,000
4	Nợ phải thu	39,270	53,444	42,122
5	Nợ phải trả KH	11,900	33,094	28,583
6	Hàng tồn kho	70,172	40,216	81,235
7	Giá vốn	370,413	342,449	259,500
	Lợi nhuận HDSXKD (gộp)	21,411	-9,348	40,500
8	Chi phí tài chính	12,775	21,106	20,100
9	Chi phí bán hàng	2,665	2,696	3,335
10	Chi phí QLDN	8,888	17,183	11,845
11	Tổng chi phí	394,741	383,434	294,780
	Lợi nhuận trước thuế			5,220
12	Khấu hao	10,374	6,904	8,500
13	Tổng chi phí đã trừ khấu hao	384,367	376,530	286,280
14	Doanh thu hoạt động tài chính	3,853	65	4,058
15	Lợi nhuận hoạt động SXKD	936	-50,268	9,278

Qua phương án sản xuất kinh doanh đã được trình bày ở trên, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa có một số đề xuất như sau:

- Mục đích vay vốn : Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty
- Tổng chi phí SXKD : 286 tỷ đồng
- Số vòng quay vốn lưu động : 3.2 vòng/năm
- Nhu cầu vốn lưu động : 91 tỷ đồng
- Số tự có của doanh nghiệp : 11 tỷ đồng
- Số vốn đề nghị vay ngân hàng : 80 tỷ đồng

- Thời gian duy trì hạn mức : 12 tháng
- Thời gian vay tối đa : 06 tháng
- Nguồn trả nợ : Từ doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Tài sản đảm bảo tiền vay : Theo danh mục tài sản thế chấp đính kèm thuộc sở hữu của Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Hóa cho Ngân hàng Công Thương VN – CN 12

Chúng tôi cam kết việc sử dụng vốn vay Ngân hàng đúng mục đích sử dụng, trả nợ gốc và lãi đầy đủ và theo đúng thời hạn qui định của Ngân hàng.

Với đặc thù sản xuất kinh doanh của Tân Hóa là không hướng đến người dùng cuối mà nhắm vào các doanh nghiệp, các nhà cung cấp, do đó chiến lược marketing của Tân Hóa đi theo hướng riêng, tập trung vào việc thuyết phục các nhà sản xuất.

Với định hướng đó, trong hoạt động tiếp thị mở rộng thị trường, Tân Hóa tập trung vào từng đối tượng cụ thể, có hướng tiếp cận và chính sách riêng cho từng doanh nghiệp. Để làm tốt điều này đòi hỏi phải có quá trình tìm hiểu khách hàng lâu dài và kỹ lưỡng, hiểu sâu các đặc điểm của khách hàng như năng lực sản xuất, năng lực tài chính, loại sản phẩm, thị trường/phân khúc thị trường mà khách hàng hướng đến và phục vụ.

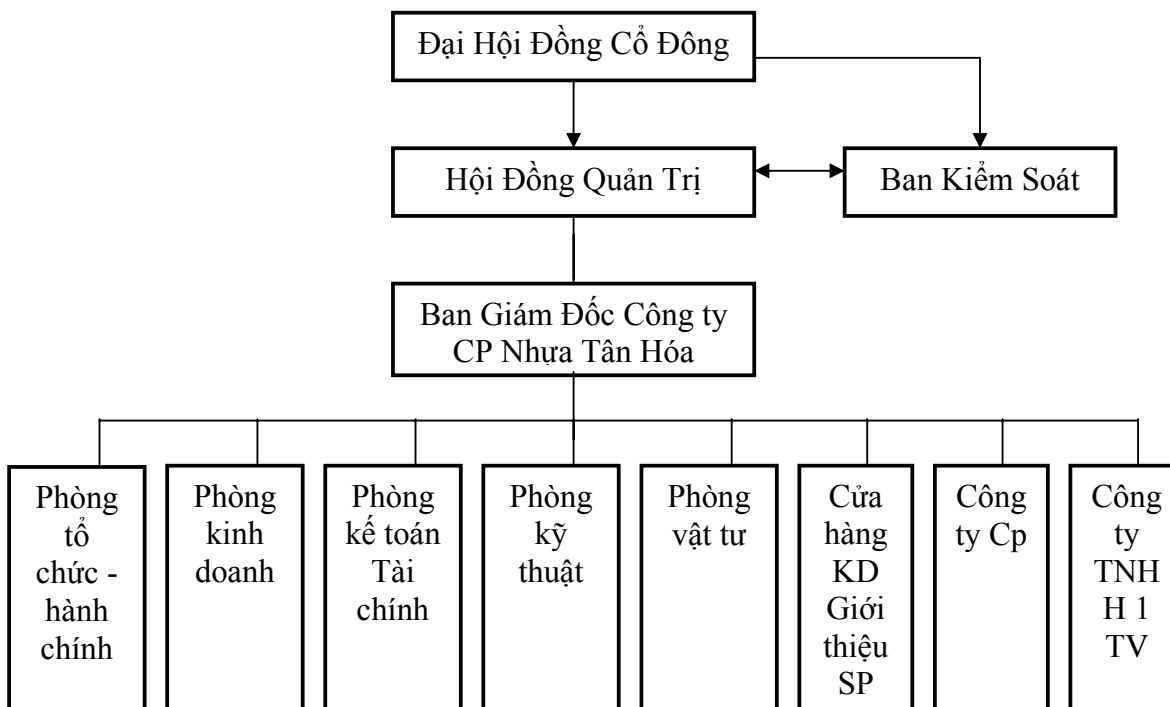
Tân Hóa có chủ trương chính sách về giá xuyên suốt: đó là ưu tiên giá tốt cho các hợp đồng có số lượng lớn, giảm chi phí để hạ giá thành sản phẩm. Tuyệt đối không hạ giá thành bằng cách giảm chất lượng đầu vào để giảm giá bán. Tân Hóa không chủ trương hy sinh chất lượng để có giá thấp. Giá bán sản phẩm sẽ được xác định dựa trên nhiều yếu tố, như chi phí sản xuất, uy tín của thương hiệu, mức cạnh tranh trên thị trường, chất lượng sản phẩm, trong đó đặt yếu tố chất lượng sản phẩm lên hàng đầu.

CÁC CÔNG TY NẪM GIỮ VỐN CỔ PHẦN CÓ LIÊN QUAN:

- Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn;
- Công ty Cp Quản lý Quỹ đầu tư TCDK;
- Công ty Cp Tập đoàn Quốc tế ABC;
- Công ty Cp Chứng khoán Sài Gòn;
- Công ty Cp An Phú;
- Công ty TNHH DLSXTM Hương Phong;
- Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây;
- Công ty Cp Chứng khoán Quốc tế Việt Nam;
- Công ty Chứng Khoán NHNT;
- Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt;
- Công ty CKVNS
- Công ty TNHH Thành Đức .
- HORIZON (Tổ chức nước ngoài)
- NEW-S SECURITIES CO, LTD (Tổ chức nước ngoài)

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

I- CƠ CẤU TỔ CHỨC:



II- TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN GIÁM ĐỐC:

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- 1- Họ và Tên : **Nguyễn Huy Cao An**
- 2- Ngày tháng năm sinh : 19/01/1951
- 3- Nơi sinh : Quảng Ninh
- 4- Giới tính : Nam
- 5- Quốc tịch : Việt Nam
- 6- Dân tộc : Kinh
- 7- Quê quán : Hà Nội
- 8- Địa chỉ thường trú : 11B Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đakao, Quận 1, TP HCM
- 9- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 08.9692394

- 10- Trình độ văn hóa : 12/12
- 11- Trình độ chuyên môn : Đại Học Sư Phạm
- 12- Quá trình công tác :
 - 1970 – 1973 : Dạy học tại Hải Phòng
 - 1973 – 1978 : Đi B (Cán bộ chi viện) tại Quảng Trị – Thừa Thiên Huế
 - 1978 – 1981 : Dạy học tại Hải Phòng
 - 1981 - 1982 : Cán bộ Ban cải tạo Nông nghiệp Miền Nam tại Tp. HCM
 - 1982 – 1990 : Cán bộ Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp Miền Nam
 - 1990 – 1991 : Cán bộ Công ty Liên doanh Salaco tại Tp. HCM
 - 1991 – 2000 : Cán bộ XNQD Công ty Nhựa Tân Hóa
 - 2000 – 2004 : Cán bộ Công ty CP Nhựa Tân Hóa - Ủy viên HĐQT
 - 2004 – 2007 : Phó CT HĐQT kiêm Phó Giám Đốc Công ty CP Nhựa Tân Hóa
- 13- Chức vụ công tác hiện nay : Giám Đốc Công Ty CP Nhựa Tân Hóa
- 14- Số sở phần đang nắm giữ : 165.000 CP
- 15- Hàng vi phạm pháp luật : Không
- 16- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- 17- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

- 1- Họ và tên : **Nguyễn Huy Chính**
- 2- Ngày tháng năm sinh : 12/03/1954
- 3- Nơi sinh : Hải Dương
- 4- Giới tính : Nam
- 5- Quốc tịch : Việt Nam
- 6- Dân tộc : Kinh
- 7- Quê quán : Hải Dương
- 8- Địa chỉ thường trú : Số 1 Sông Đà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
- 9- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 08 – 8 – 969 2084
- 10- Trình độ văn hóa : 10/10
- 11- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế – Cử nhân luật
- 12- Quá trình công tác :
 - a- Từ 1972 – 1975 : Bộ đội
 - b- Từ 1976 – 1977 : Trường Đại học Dự bị TP.HCM
 - c- Từ 1977 – 1981 : Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
 - d- Từ 1981 – 1984 : Thượng úy – Trợ lý Cục Tài chính – Bộ Quốc phòng

- e- Từ 1985 – 2000 : Trưởng phòng Giao dịch – Ngân hàng Công thương Chi nhánh 12 Thành Phố Hồ Chí Minh.
 - f- Từ 2000 – 2004 : Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hóa
 - g- Từ 2005 đến nay : Ủy viên HĐQT – Cửa hàng trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hóa
- 13- Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT – Phó Giám Đốc Hành Chính Nhân Sự Công ty CP Nhựa Tân Hóa
- 14- Số cổ phần đại diện : Không CP
- 15- Số CP đang nắm giữ : 25.000 CP
- 16- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 17- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công Ty : Không

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

- 1- Họ và Tên : **Huỳnh Lê Mỹ Thi**
- 2- Ngày tháng năm sinh : 01/05/1974
- 3- Nơi sinh : Tiền Giang
- 4- Giới tính : Nữ
- 5- Quốc tịch : Việt Nam
- 6- Dân tộc : Kinh
- 7- Quê quán : Tiền Giang
- 8- Địa chỉ thường trú : 24D Ngô Bệ, Phường 13, Quận Tân Bình, TP HCM
- 9- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 08.3969 2394
- 10- Trình độ văn hóa : 12/12
- 11- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh Tế
- 12- Quá trình công tác :
- a. Từ năm 1995-2000 : Kế toán trưởng Công Ty TNHH Nhật Linh-CN TP HCM
 - b. Từ năm 2000-2004 : Kế toán trưởng Công Ty TNHH Toàn Thắng
 - c. Từ năm 2004- nay : Kế toán trưởng Công Ty CP Nhựa Tân Hóa
- 13- Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT – Phó Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế Toán Trưởng Công Ty CP Nhựa Tân Hóa
- 14- Số cổ phần đại diện : Không CP
- 15- Số sở phần đang nắm giữ : 17.626 CP
- 16- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 17- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

III- THAY ĐỔI GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM:

Trong năm 2009 có sự thay đổi Giám Đốc điều hành:

- Bà Nguyễn Thị Minh Châu – Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Giám Đốc Công ty : miễn nhiệm ngày 01/09/2008

- Ông Nguyễn Huy Cao An - Giám Đốc Công ty : bổ nhiệm ngày 01/09/2008

IV- QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

Tân Hóa chi trả một mức lương cạnh tranh cho Ban Giám Đốc và một số cán bộ quản lý cao cấp; thưởng theo thành tích công việc, cấp xe công vụ,...

V- SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

So với thời điểm mới thành lập Công ty, đội ngũ CBCNV hiện nay đã được đào tạo bài bản, có kỹ năng làm việc và tinh thần kỷ luật. Lực lượng lao động Công ty được phân chia thành các cấp như sau: Cán bộ đầu ngành, các bộ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật, công nhân vận hành thiết bị chuyên dùng ...

Tính đến thời điểm 31/12/2009, tổng số CBCNV của Công ty là 541 người, cơ cấu lao động như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng (%)
I. Phân theo trình độ lao động	541	100%
1. Đại học	18	2.91%
2. Cao đẳng, trung cấp	50	6.01%
3. Lao động sơ cấp	413	80.15%
4. Công nhân kỹ thuật	40	6.56%
5. Lao động thời vụ	20	4.37%
II. Phân theo công việc	541	100%
1. Lao động trực tiếp	496	91.99%
2. Lao động gián tiếp	45	8.01%

Lực lượng lao động đủ năng lực vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời tiếp tục phát huy trình độ khoa học kỹ thuật nâng cao tay nghề đảm bảo thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp...

Công ty tạo môi trường và điều kiện làm việc ổn định cho 541 công nhân viên chức, nâng thu nhập bình quân một người/tháng đạt trên 2.300.000 đồng.

Việc thực hiện luật lao động, pháp lệnh bảo hộ lao động, chế độ bảo hiểm xã hội, an toàn lao động được thực hiện tốt, hạn chế không để xảy ra tai nạn lao động. Các chế độ hợp đồng lao động, tiền lương Công ty thực hiện đúng chính sách Nhà nước qui định, đặc biệt duy trì tốt chế độ làm việc, tính theo lương sản phẩm đảm bảo năng lực tay nghề của người lao động.

Cùng với chế độ thực hiện và chăm lo đời sống, hàng năm Công ty đã tổ chức các lớp huấn luyện đào tạo công nhân thi tay nghề, qui trình an toàn lao động chung và cho những công nhân làm việc ở các khu vực có yêu cầu cấp độ an toàn cao.

Công tác kiểm tra an toàn lao động, an toàn thiết bị, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm được Ban bảo hộ lao động Công ty thực hiện thường xuyên, định kỳ. Môi trường lao động sản xuất được chú trọng đầu tư nâng cấp.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

I- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY:

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Đỗ Thị Lan Chi	1964	024799955	Chủ tịch
2	Nguyễn Huy Cao An	1951	023131162	Thành viên
3	Nguyễn Huy Chính	1954	022026362	Thành viên
4	Trương Tứ Đệ	1956	021812010	Thành viên
5	Huỳnh Lê Mỹ Thi	1974	310914574	Thành viên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên: **Đỗ Thị Lan Chi**
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 15/03/1964
Nơi sinh: Sài Gòn
Số CMND: 024799955, cấp ngày 24/09/2007, nơi cấp Công an Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: J5-7 Hưng Vượng, P. Tân Phong, Q.7, Tp. HCM
Số ĐT liên lạc: 0913.792.054
Trình độ chuyên môn: Đại học Ngân hàng
Quá trình công tác:
 Từ 1988 đến nay Sản xuất, kinh doanh nhựa
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: CT HĐQT
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 17/09/2008) 30.000 cổ phần, chiếm 0,37% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu: 30.000 cổ phần, chiếm 0,37 % vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: 1- Mối quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ

2- Mọi quan hệ: ..., Tên cá nhân/tổ chức:năm giữ:
..... CP, chiếm% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên:	Nguyễn Huy Chính
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/03/1954
Nơi sinh:	Hải Dương
Số CMND:	022026362, cấp ngày 14/04/2005, nơi cấp Công an Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 1 Sông Đà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
Số ĐT liên lạc:	0913.602.605
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Cử nhân Luật
Quá trình công tác:	
Từ 1972 đến 1975	Bộ đội
Từ 1975 đến 1977	Trường Đại học Dự bị TP.HCM
Từ 1977 đến 1981	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM – Bộ đội Quân khu 7
Từ 1981 đến 1984	Thượng úy – Trợ lý Cục Tài chính – Bộ Quốc phòng
Từ 1984 đến 2000	Trưởng phòng Giao dịch – Ngân hàng Công thương Chi nhánh 12 TP.HCM
Từ 2000 đến 2004	Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hóa
Từ 2005 đến 2008	Ủy viên HĐQT – Cửa hàng trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành:	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám Đốc Hành Chính Nhân Sự Công ty CP Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác	Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2010)	25.000 cổ phần, chiếm 0,31% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	25.000 cổ phần, chiếm 0,31 % vốn điều lệ

<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</i>	1- Mọi quan hệ: Con, Tên cá nhân/tổ chức: Nguyễn Hoàng Chung Năm giữ: 50.006 CP, chiếm 0,63 % vốn điều lệ
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<i>Họ và tên:</i>	Trương Tứ Đệ
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	15/08/1956
<i>Nơi sinh:</i>	Trung Quốc
<i>Số CMND:</i>	021812010, ngày cấp 16/03/2004, nơi cấp Công an Tp. Hồ Chí Minh
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Hoa
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	102 Tạ Uyên, Phường 4, Quận 11, Tp. HCM
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	0903.704.902
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	
<i>Quá trình công tác:</i>	
<i>Từ đến nay</i>	Giám Đốc Công ty TNHH TM DV Hợp Tiến
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành:</i>	Ủy viên HĐQT
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác</i>	Giám đốc Công Ty TNHH Hợp Tiến
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 17/09/2008)</i>	451.000 cổ phần, chiếm 5,63% vốn điều lệ
<i>+ Đại diện sở hữu:</i> cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
<i>+ Cá nhân sở hữu:</i>	451.000 cổ phần, chiếm 5,63 % vốn điều lệ
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</i>	1- Mọi quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... năm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ 2- Mọi quan hệ: ..., Tên cá nhân/tổ chức:năm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRI

Họ và tên: **Huỳnh Lê Mỹ Thi**
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 01/05/1974
Nơi sinh: Tuần giang
Số CMND: 310914574, cấp ngày 24/10/1996, nơi cấp Công an Tiền Giang
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 24D Ngô Bệ, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM
Số ĐT liên lạc: 0918.121.783
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
 Từ 1995 đến 2000 KTT Công ty TNHH Nhật Linh (LiOA) – CN TP HCM
 Từ 2000 đến 2004 Kế toán trưởng Công ty TNHH DV-KT Toàn Thắng
 Từ 2004 đến nay Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hoá
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Ủy viên HĐQT – Phó Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 17/09/2008) 17.626 cổ phần, chiếm 0,22% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu: 17.626 cổ phần, chiếm 0,22 % vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: 1- *Mối quan hệ:* ... , *Tên cá nhân/tổ chức:* ... *nắm giữ:* CP, chiếm% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRI

1- *Họ và Tên* : **Nguyễn Huy Cao An**

- 2- Ngày tháng năm sinh : 19/01/1951
- 18- Nơi sinh : Quảng Ninh
- 19- Giới tính : Nam
- 20- Quốc tịch : Việt Nam
- 21- Dân tộc : Kinh
- 22- Quê quán : Hà Nội
- 23- Địa chỉ thường trú : 11B Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đakao, Quận 1, TP HCM
- 24- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 08.9692394
- 25- Trình độ văn hóa : 12/12
- 26- Trình độ chuyên môn : Đại Học Sư Phạm
- 27- Quá trình công tác :
- 1970 – 1973 : Dạy học tại Hải Phòng
- 1973 – 1978 : Đi B (Cán bộ chi viện) tại Quảng Trị – Thừa Thiên Huế
- 1978 – 1981 : Dạy học tại Hải Phòng
- 1981 - 1982 : Cán bộ Ban cải tạo Nông nghiệp Miền Nam tại Tp. HCM
- 1982 – 1990 : Cán bộ Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp Miền Nam
- 1990 – 1991 : Cán bộ Công ty Liên doanh Salaco tại Tp. HCM
- 1991 – 2000 : Cán bộ XNQD Công ty Nhựa Tân Hóa
- 2000 – 2004 : Cán bộ Công ty CP Nhựa Tân Hóa - Ủy viên HĐQT
- 2004 – 2007 : Phó CT HĐQT kiêm Phó Giám Đốc Công ty CP Nhựa Tân Hóa
- 28- Chức vụ công tác hiện nay : Giám Đốc Công Ty CP Nhựa Tân Hóa
- 29- Số sở phần đang nắm giữ : 165.000 CP
- 30- Hàng vi phạm pháp luật : Không
- 31- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- 32- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

II- BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY :

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Phạm Đức Trình	1953	021348635	Trưởng Ban
2	Nguyễn Thị Tuyết Lan	1954	020262506	Thành viên
3	Nguyễn Thị Hồng Oanh	1961	021974590	Thành viên

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên: **Phạm Đức Trình**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/05/1953

Nơi sinh: Thái Bình

CMND: 021348635, ngày cấp 14/01/2008, nơi cấp: Công an Tp. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 44 Hoa Đào – Khu dân cư Rạch Miễu, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM

Số ĐT liên lạc: 0903.833.092

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngoại thương Hà Nội

Quá trình công tác:

+ *Từ 1978 đến 1986:* CN Tổng Công ty XNK Hàng Dệt VN (TEXTIMEX)

+ *Từ 1986 đến 1989:* Liên hiệp các xí nghiệp may Trung Ương (Conpectimex)

+ *Từ 1989 đến 1996:* Trưởng phòng Vật tư - Kế hoạch – Seaspimex

+ *Từ 1996 đến 2006:* Phó Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh sản xuất phụ tùng (VMP Co. LTD)

+ *Từ 2006 đến nay:* Trưởng phòng Kế hoạch-Vật tư Công ty CP Thủy Đặc Sản

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng phòng Kế hoạch-Vật tư Công ty CP Thủy Đặc Sản

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại Trưởng Ban kiểm soát Công Ty Cổ phần Nhựa Tân

<i>tổ chức khác:</i>	Hóa
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 17/09/2008):</i>	26.136 cổ phần, chiếm 0.32% vốn điều lệ
<i>+ Đại diện sở hữu:</i> cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
<i>+ Cá nhân sở hữu:</i>	26.136 cổ phần, chiếm 0,32 % vốn điều lệ
<i>Các cam kết nắm giữ (nếu có)</i>	
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</i>	1- Mọi quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ 2- Mọi quan hệ: ..., Tên cá nhân/tổ chức:nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

<i>Họ và tên:</i>	Nguyễn Thị Tuyết Lan
<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	05/07/1954
<i>Nơi sinh:</i>	Ninh Bình
<i>Số CMND:</i>	020262506, ngày cấp 14/04/2004, nơi cấp Công an Tp. Hồ Chí Minh
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	115/168 Lê Văn Sỹ, Phường 13, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	0919.774.600
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính Kế toán
<i>Quá trình công tác:</i>	
<i>Từ 1976 đến 1977</i>	Nhân viên văn thư Ban chỉ đạo Thi Công Thủy Lợi (Ban khai hoang XDNT)
<i>Từ 1977 đến 1992</i>	Nhân viên thủ quỹ XNLH Xây dựng Thủy lợi – Công ty Gia Định
<i>Từ 1992 đến 1997</i>	Nhân viên kế toán Công ty Gia Định
<i>Từ 1998 đến 1999</i>	Kế toán trưởng Công ty Gia Định
<i>Từ 1999 đến nay</i>	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Kiểm soát viên Công ty CP Nhựa Tân Hóa

Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 17/09/2008) 9.198 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ

+ *Đại diện sở hữu:* cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

+ *Cá nhân sở hữu:* 9.198 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: 1- Mỗi quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng Oanh**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 16/09/1961

Nơi sinh: Tiền Giang

Số CMND: 021974590, ngày cấp 24/06/2007, nơi cấp Công an Tp. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 69/20 Nguyễn Trãi, Phường 2, Quận 5, Tp. HCM

Số ĐT liên lạc: 0913.750.765

Trình độ chuyên môn: Cử nhân thương mại

Quá trình công tác:

Từ 1986 đến nay Công tác tại Tổng Công Ty Nông nghiệp Sài Gòn

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Kiểm soát viên Công ty CP Nhựa Tân Hóa

Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác Phó phòng Tài chính -Kế toán Tổng Công Ty NN Sài Gòn

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 17/09/2008)

+ *Đại diện sở hữu:* 391.317 cổ phần, chiếm 4,89 % vốn điều lệ

+ *Cá nhân sở hữu:* cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</i>	1- Mỗi quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ
	2- Mỗi quan hệ: ..., Tên cá nhân/tổ chức:nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

II- CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG :

- Toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông.
- Tổng số cổ phiếu: 80.000.000 cổ phiếu (Mệnh giá: 10.000 đồng/1 cổ phiếu)
- Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu là 12.626 đ
- Hiện nay Công ty có 2.009 cổ đông, trong đó:
 - Cổ đông đã lưu ký: 1.977 ;
 - Cổ đông chưa lưu ký: 32 ;
 - 12 cổ đông nước ngoài ;
 - 01 cổ đông Nhà nước, nắm giữ 4,89% vốn;

BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 7592/QĐ-UB-KT ngày 10 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000108 ngày 03 tháng 07 năm 2000, thay đổi lần 6 ngày 31 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất các loại bao bì nhựa, bao bì PP dệt và các sản phẩm khác bằng nhựa từ màng siêu mỏng và màng phức hợp. In trên bao bì nhựa. Các ngành nghề khác thuộc lĩnh vực bao bì nhựa theo quy định của Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại 101 Tân Hóa - Phường 14 - Quận 6 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một công ty con sau:

- Tên Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Tân Hóa - Long An
- Ngành hoạt động: Sản xuất các loại bao bì nhựa, bao bì PP dệt và các sản phẩm khác bằng nhựa từ màng siêu mỏng và màng phức hợp.
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND; tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 100%.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1100866940 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 11 tháng 11 năm 2008.
- Địa chỉ: Lô số 16-18-20 đường An Hạ, khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
- Theo nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 31/05/2010 Công ty sẽ trình đại hội cổ đông xin giải thể công ty TNHH Một thành viên Nhựa Tân Hóa - Long An và Công ty sẽ tiếp nhận lại Công ty này.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị, Ban tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2009 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Minh Châu	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/05/2009
Bà Đỗ Thị Lan Chi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21/05/2009
Ông Nguyễn Huy Cao An	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16/05/2009
		Miễn nhiệm ngày 29/04/2010
Ông Nguyễn Huy Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2000
Bà Huỳnh Lê Mỹ Thi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2008
		Miễn nhiệm ngày 29/04/2010

Ông Trương Tứ Đệ Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 30/06/2008

Các thành viên của Ban tổng Giám đốc trong năm 2009 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Huy Cao An	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/04/2010
Ông Nguyễn Huy Chính	Quyền Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2010

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm 2009 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Trình	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh	Ủy viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban tổng Giám đốc

Nguyễn Huy Chính
Quyền tổng Giám đốc

Tp.HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2010

Số : 201 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009
của Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban tổng Giám đốc
Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần nhựa Tân Hóa được lập ngày 10/06/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn của cuộc kiểm toán và không thống nhất về chính sách kế toán

1. Công nợ phải thu

Trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty, khoản mục phải thu từ khách hàng có số các khoản chưa đối chiếu được công nợ trị giá khoảng 30 tỷ đồng chứa đựng nhiều rủi ro trong việc thu hồi công nợ. Thực tế sau kết thúc năm tài chính Công ty đã tổ chức đối chiếu với các khách hàng này nhưng đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán công tác đối chiếu vẫn chưa thể hoàn tất, có thể xảy ra nhiều vấn đề tranh chấp trong việc thu hồi số công nợ trên.

2. Thời gian khấu hao tài sản cố định, giá trị tạm tăng tài sản cố định và các vấn đề chi phí khác liên quan đến nhà máy nhựa Long An

2.1 Về thời gian bắt đầu tính khấu hao cho những tài sản cố định tại nhà máy mới tại khu Công nghiệp Tân Đức, Tỉnh Long An. Theo biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 10/06/2010 và các tài liệu chúng tôi thu thập được. Quá trình nghiệm thu các công trình và vận hành máy móc thiết bị đi vào sản xuất của công ty là không đồng bộ. Thậm chí hạng mục nhà xưởng, nhà văn phòng còn chưa tiến hành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng. Mặt khác cũng trong năm 2009 Công ty tiến hành di dời các phân xưởng của mình tại thành phố Hồ Chí Minh tập trung tại nhà máy Long An làm cho việc xác định thời gian đưa các tài sản cố định vào hoạt động là khó xác định. Do vậy chúng tôi chỉ căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 10/06/2010 là thời gian tăng tài sản, thời gian hoàn tất đa số các việc nghiệm thu cũng như di dời máy móc thiết bị.

- 2.2 Liên quan đến hợp đồng giao nhận thầu hạng mục xây dựng nhà văn phòng, kho, nhà xưởng và các hạng mục phụ trợ tại lô 16-18-20 đường An Hạ, Khu công nghiệp Tân Đức, Tỉnh Long An: Theo các tài liệu chúng tôi nhận được, Công ty và nhà thầu chưa thống nhất hồ sơ quyết toán công trình do không thống nhất nhiều mục liên quan đến chênh lệch giá và khối lượng phát sinh. Hiện Công ty mới chỉ hạch toán tạm tăng tài sản để khấu hao với các hạng mục này là 34.397.658.638 đồng. Do vậy giá trị tài sản cũng như khấu hao tài sản với các hạng mục này sẽ thay đổi khi hai bên thống nhất số liệu và quyết toán được duyệt.
- 2.3 Việc đầu tư xây dựng nhà máy mới tại lô 16-18-20 đường An Hạ, Khu công nghiệp Tân Đức, Tỉnh Long An cùng với việc thành lập Công ty TNHH một thành viên nhựa Tân Hóa Long An để Công ty này nhận bàn giao, quản lý và sử dụng nhà máy. Đến thời điểm 31/12/2009 Công ty vẫn chưa chuyển giao tài sản này cho Công ty TNHH một thành viên. Tuy nhiên theo nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 31/05/2010 Công ty sẽ trình đại hội cổ đông xin giải thể công ty TNHH một thành viên và Công ty sẽ tiếp nhận lại Công ty này. Theo quyết định xử lý tài chính của Hội đồng quản trị, các chi phí không đủ tiêu chuẩn tài sản cố định của nhà máy máy đã được xử lý vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty cổ phần Nhựa Tân Hóa. Việc này có thể ảnh hưởng nếu Đại hội cổ đông không thông qua.

3. Các vấn đề liên quan đến hàng tồn kho, chi phí nguyên liệu và giá vốn hàng bán

- 3.1 Chúng tôi không thể kiểm tra được tính đúng đắn trong việc hạch toán và theo dõi hàng tồn kho của Công ty do việc lập chứng từ và nhập chứng từ vào sổ kế toán không đầy đủ. Có nhiều nghiệp vụ liên quan đến việc đổi hàng không được ghi nhận đầy đủ và thực hiện các thủ tục theo quy định. Do vậy khi xác định giá trị nguyên liệu chính tồn kho trị giá 15.664.216.900 đồng của Công ty là căn cứ vào lượng hàng tồn theo biên bản kiểm kê tồn kho và giá trị nhập hợp lý gần thời điểm 31/12/2009.
- 3.2 Trên khoản mục phải thu khác trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có thể hiện khoản hàng tồn kho thiếu chờ xử lý trị giá: 5.355.393.711 đồng do Công ty chưa tìm được nguyên nhân thiếu. Nếu khoản này không tìm được nguyên nhân để quy trách nhiệm bồi hoàn thì khoản lỗ trong năm của Công ty sẽ tăng lên tương ứng.
- 3.3 Trong quá trình đưa nguyên liệu vào sản xuất Công ty có thực hiện việc đưa nhựa tái sinh thay thế nhựa chính phẩm. Việc này lại không thể hiện trên sổ sách kế toán của Công ty mà được hạch toán bằng cách quy lượng nhựa tái sinh đã nhập đổi thành nhựa chính phẩm trên kho hàng hóa để đưa vào sản xuất, trong khi lượng nhựa chính phẩm này thực tế để bán. Hội đồng quản trị Công ty xử lý bằng cách yêu cầu xuất hóa đơn cho lượng nhựa định quy đổi đưa vào sản xuất, và hạch toán bổ sung chi phí mua nhựa tái sinh vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm 2009. Tuy nhiên việc này có thể ảnh hưởng đến việc chi phí nguyên liệu tăng lên trong khi lượng và giá trị hàng thiếu hụt giảm đi. Mặt khác đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty vẫn chưa cung cấp được các tài liệu và chứng từ hợp lệ cho việc mua lượng nhựa này. Đồng thời việc này cũng có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế khi quyết toán với cơ quan thuế.
- 3.4 Trong quá trình trao đổi và mua bán nguyên liệu nhựa Công ty có nhập một lượng nhựa trị giá 7.094.950.000 đồng để bán và trao đổi nhưng lượng nhựa này và lượng nhựa của Công ty dùng để trao đổi cũng không được phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty xử lý bằng cách yêu cầu xuất hóa đơn cho lượng nhựa của Công ty định quy đổi nhập lại lượng nhựa nhập của khách hàng. Tuy nhiên trong lượng nhựa nhập lại này có một số lô chưa có các phiếu nhập của Công ty mà chỉ căn cứ vào các tài liệu như lượng tương đương đã xuất bán và do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc nhập bổ sung lượng nhựa trên.

4. Các vấn đề khác

- 4.1 Theo nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 10/06/2010 xử lý khoản hoa hồng chi cho khách hàng từ năm 2008 vào chi phí bán hàng năm 2009 trên cơ sở số liệu ghi chép của bộ phận kinh doanh có chữ ký của tổng Giám đốc và Kế toán trưởng nhưng không thể hiện trên sổ sách kế toán của Công ty trị giá 1.946.255.300 đồng. Theo chúng tôi các khoản chi hoa hồng, khuyến mãi cho khách hàng phải có chính sách đã được công bố của Công ty phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty và phải có các tài liệu chứng minh đã thỏa thuận với khách hàng hay người môi giới như bản thỏa thuận, hợp đồng, các thông tin liên quan đến người nhận hoa hồng, chứng từ chi tiền, ... Do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản chi phí này.
- 4.2 Theo các tài liệu chúng tôi nhận được, tại Công ty có tồn tại vấn đề liên quan đến các khoản chi thực tế không chi và các khoản thu để ngoài sổ sách và đã được gửi cơ quan điều tra xem xét. Chúng tôi không có điều kiện để xác định tính đúng đắn của vấn đề này cho nên các khoản chi phí hay thu nhập của Công ty có thể thay đổi khi vấn đề này được làm rõ.
- 4.3 Như đã nêu ở các đoạn 3.3, 3.4, 4.1, 4.2 nêu trên do có một số lượng hàng hóa mua, bán chi phí không theo dõi trên sổ sách kế toán đã được hội đồng quản trị xử lý vào năm tài chính 2009 hay đang được làm rõ, chúng tôi không thể điều chỉnh hội tổ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty theo quy định của chuẩn mực kiểm toán số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”.

Từ các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn và hợp lý của các khoản mục này được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2009 kết thúc tại ngày 31/12/2009.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến trên, nhưng chúng tôi xin được lưu ý như sau:

Theo công văn số 377/CV-CN12-KH ngày 09/06/2010 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh 12 gửi cho Công ty thì Công ty đang có số dư nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh 12 đến ngày 09/06/2010 là 13.579.407.913 đồng và 21.500 USD; Tổng dư nợ vay bị chuyển sang nợ quá hạn đến ngày 09/06/2010 là 142.574.381.593 đồng và 439.062,50 USD. Mặt khác theo nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 31/05/2010 Công ty sẽ trình đại hội cổ đông xin giải thể công ty TNHH Một thành viên Nhựa Tân Hóa - Long An và Công ty sẽ tiếp nhận lại Công ty này. Các nội dung này gây ra sự nghi ngờ đáng kể về tính phù hợp của việc giả định về hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục và chưa bao gồm bất cứ sự điều chỉnh cần thiết nào đến vấn đề này.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Lan

Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2010

Nguyễn Minh Tiến

Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		124.100.768.577	134.001.768.903
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.832.250.924	4.404.164.236
1. Tiền	111	V.1	2.832.250.924	4.404.164.236
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.217.008.560	43.235.028.954
1. Phải thu khách hàng	131		55.276.053.051	36.807.884.201
2. Trả trước cho người bán	132		6.815.328.405	2.396.912.205
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	9.125.627.104	4.030.232.548
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	40.216.589.443	70.171.940.182
1. Hàng tồn kho	141		40.216.589.443	70.171.940.182
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.834.919.650	16.190.635.531
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		282.207.640	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.670.274.787	3.274.000.374
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	602.061.010	595.464.834
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	1.280.376.213	12.321.170.323
			-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		174.520.419.823	161.596.223.995
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		151.861.834.850	160.150.420.386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	151.601.597.147	34.722.769.003
- Nguyên giá	222		192.296.764.600	68.218.771.940
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.695.167.453)	(33.496.002.937)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	143.683.473	207.312.693
- Nguyên giá	228		600.832.382	600.832.382
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(457.148.909)	(393.519.689)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	116.554.230	125.220.338.690

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.658.584.973	1.445.803.609
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	22.658.584.973	1.145.803.609
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		298.621.188.400	295.597.992.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		197.253.271.751	142.272.477.548
I. Nợ ngắn hạn	310		117.006.271.751	111.735.327.818
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	80.215.125.431	98.277.688.517
2. Phải trả người bán	312		33.130.421.932	11.457.495.905
3. Người mua trả tiền trước	313		280.845.340	103.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	306.859.934	119.229.977
5. Phải trả người lao động	315		834.262.181	1.167.538.867
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		3.919.874	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	2.234.837.059	610.374.552
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		80.247.000.000	30.537.149.730
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		11.000.000	537.149.744
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	80.236.000.000	29.999.999.986
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.367.916.649	153.325.515.350
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	101.011.325.223	152.727.979.029
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		62.691.707.800	62.691.707.800
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.139.666.270	6.139.666.270
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.448.155.304	2.448.155.304
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(50.268.204.151)	1.448.449.655
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		356.591.426	597.536.321
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		356.591.426	597.536.321
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		298.621.188.400	295.597.992.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		913,30	47.402,25
- EUR		257,38	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Quyền

Nguyễn Huy Chính

Tp.HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2009

Đơn vị tính:
VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	337.529.953.077	392.234.118.837
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.088.347.781	409.874.482
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	336.441.605.296	391.824.244.355
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	343.638.531.550	369.852.489.795
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(7.196.926.254)	21.971.754.560
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	689.344.043	3.871.268.861
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	21.106.608.159	12.774.561.961
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.914.721.491	6.317.908.835
8. Chi phí bán hàng	24		2.942.247.584	2.665.177.319
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.574.788.885	8.845.596.382
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(45.131.226.839)	1.557.687.759
11. Thu nhập khác	31		1.180.793.230	1.510.391.869
12. Chi phí khác	32		6.317.770.542	1.730.422.404
13. Lợi nhuận khác	40		(5.136.977.312)	(220.030.535)
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(50.268.204.151)	1.337.657.224
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.7	-	494.505.409
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(50.268.204.151)	843.151.815
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	71		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	72		(50.268.204.151)	843.151.815
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.8	(6.284)	105

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Quyền
Tp.HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2010

Nguyễn Huy Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2009

Đơn vị tính:
VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		355.409.748.202	407.846.249.112
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(338.370.567.325)	(416.363.002.004)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.830.492.556)	(15.994.930.296)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(14.914.721.491)	(6.263.901.322)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(2.837.854.862)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		75.681.990.162	271.970.198.984
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(85.873.593.536)	(227.206.373.818)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.897.636.544)	11.150.385.794
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.401.153.486)	(127.996.482.346)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		118.767.830	2.400.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		689.344.043	3.257.756.179
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.593.041.613)	(124.736.326.167)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		257.253.076.063	221.525.150.237
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(225.079.639.135)	(149.718.417.979)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(5.568.709.036)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(254.672.083)	(10.114.133.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		31.918.764.845	56.123.890.222

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm 2009

Đơn vị tính:
VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.571.913.312)	(57.462.050.151)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.404.164.236	61.862.340.462
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			3.873.925
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.832.250.924	4.404.164.236

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Quyền

Nguyễn Huy Chính

Tp.HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 7592/QĐ-UB-KT ngày 10 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000108 ngày 03 tháng 07 năm 2000, thay đổi lần 6 ngày 31 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 101 Tân Hóa - Phường 14 - Quận 6 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một công ty con sau:

- Tên Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Tân Hóa - Long An
- Ngành hoạt động: Sản xuất các loại bao bì nhựa, bao bì PP dệt và các sản phẩm khác bằng nhựa từ màng siêu mỏng và màng phức hợp.
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND; tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 100%.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1100866940 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 11 tháng 11 năm 2008.
- Địa chỉ: Lô số 16-18-20 đường An Hạ, khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất các loại bao bì nhựa, bao bì PP dệt và các sản phẩm khác bằng nhựa từ màng siêu mỏng và màng phức hợp. In trên bao bì nhựa. Các ngành nghề khác thuộc lĩnh vực bao bì nhựa theo quy định của Nhà nước./.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con:

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp Bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- Tài sản vô hình	10 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu phản ánh toàn bộ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần, đã mua cổ phiếu hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông. Cổ tức có thể được ứng trước cho cổ đông, nhưng chỉ được chi phần còn lại khi đã được Đại hội cổ đông phê duyệt trong Đại hội cổ đông thường niên hàng năm.

Các khoản dự trữ, các quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Điều lệ được thông qua Đại hội cổ đông khi có đề nghị của Hội đồng quản trị.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	255.550.574	1.545.118.994
Tiền gửi ngân hàng	2.576.700.350	2.859.045.242
Cộng	2.832.250.924	4.404.164.236
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	5.355.393.711	-
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội của công nhân viên	41.059.662	-
Cổ tức năm 2008 chi vượt so với lợi nhuận (*)	2.551.550.345	4.000.000.000
Phải thu lại tiền hàng của ông Sang	450.010.000	-
Phải thu tiền thuế GTGT	709.495.000	-
Phải thu khác	18.118.386	30.232.548
Cộng	9.125.627.104	4.030.232.548
<p>(*) Theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2008. Năm 2008 công ty chia cổ tức 5% trên vốn tương ứng 4.000.000.000 đồng, nhưng thực tế lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2008 chỉ còn 1.448.449.655 đồng.</p>		
3. Hàng tồn kho	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	20.116.835.513	26.350.414.645
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.420.201.740	18.252.821.940
Thành phẩm tồn kho	5.679.552.190	3.251.604.986
Hàng hoá	-	22.317.098.611
Hàng gửi bán	-	-
Cộng	40.216.589.443	70.171.940.182
4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	594.921.264	594.921.264
Thuế phải thu khác	7.139.746	543.570
Cộng	602.061.010	595.464.834
5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	130.353.678	34.700.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.150.022.535	12.286.470.323
Cộng	1.280.376.213	12.321.170.323

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính:
VND

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền đẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình					
Số dư đầu năm	3.437.491.575	58.844.582.294	5.502.746.200	433.951.871	68.218.771.940
Tăng trong năm	35.823.407.809	87.241.314.485	2.373.550.300	-	125.438.272.594
Giảm trong năm	-	794.000.000	566.279.934	-	1.360.279.934
- Thanh lý, nhượng bán		794.000.000	566.279.934		1.360.279.934
- Chuyển sang CCDC	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	39.260.899.384	145.291.896.779	7.310.016.566	433.951.871	192.296.764.600
Giá trị đã hao mòn					
Số dư đầu năm	3.186.094.663	27.314.406.853	2.615.649.518	379.851.903	33.496.002.937
Khấu hao trong năm	466.933.530	6.798.045.381	769.745.677	18.029.237	8.052.753.825
Giảm trong năm	-	504.307.165	349.282.144	-	853.589.309
- Thanh lý, nhượng bán		504.307.165	349.282.144		853.589.309
- Chuyển sang CCDC	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.653.028.193	33.608.145.069	3.036.113.051	397.881.140	40.695.167.453
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình					
Tại ngày đầu năm	251.396.912	31.530.175.441	2.887.096.682	54.099.968	34.722.769.003
Tại ngày cuối năm	35.607.871.191	111.683.751.710	4.273.903.515	36.070.731	151.601.597.147

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

		<i>Đơn vị tính:</i> VND	
7.	Tăng, giảm tài sản cố định vô hình		
	Chỉ tiêu		Phần mềm thiết kế
	Nguyên giá tài sản cố định vô hình		
	Số dư đầu năm		600.832.382
	Số tăng trong năm		-
	Số giảm trong năm		-
	Số dư cuối năm		600.832.382
	Giá trị đã hao mòn		
	Số dư đầu năm		393.519.689
	Khấu hao trong năm		63.629.220
	Giảm trong năm		-
	Số dư cuối năm		457.148.909
	Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình		
	Tại ngày đầu năm		207.312.693
	Tại ngày cuối năm		143.683.473
8.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
	Xây dựng cơ bản dở dang	-	125.220.338.690
	- <i>Xây dựng nhà máy tại Long An</i>	-	125.220.338.690
	- <i>Công trình khác</i>	-	-
	Mua sắm tài sản cố định	116.554.230	-
	Cộng	116.554.230	125.220.338.690
9.	Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
	Tiền thuê đất	18.729.429.077	-
	Chi phí trước hoạt động nhà máy Long An	3.059.411.773	-
	Công cụ dụng cụ	288.648.485	-
	Chi phí khác	581.095.638	1.145.803.609
	Cộng	22.658.584.973	1.145.803.609

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	80.215.125.431	98.277.688.517
- Vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN - chi nhánh 12 (*)	79.548.458.631	98.277.688.517
- Vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (**)	666.666.800	-
Vay dài hạn hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	80.215.125.431	98.277.688.517

Ghi chú:

(*) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN - chi nhánh 12 theo Hợp đồng tín dụng số 044/NH ngày 02 tháng 05 năm 2008. Hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng bao gồm cả tiền VND và USD, số dư nợ vay đến 31/12/2009 là 69.840.224.711 đồng và 541.120 USD (tương đương 9.708.233.920 đồng), thời hạn vay 1 năm, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Hợp đồng tín dụng số 038/HĐTD ngày 04 tháng 05 năm 2009 điều chỉnh thời hạn duy trì hạn mức cho vay đến ngày 02/05/2010. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

(**) Vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng số 23286 ngày 20 tháng 07 năm 2009. Thời gian vay 24 tháng, lãi suất được điều chỉnh 06 tháng 01 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng cộng biên độ 0,36%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	10.203.536	-
Các loại thuế khác	296.656.398	119.229.977
Cộng	306.859.934	119.229.977

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	61.588.720
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	49.950.842	-
Cổ tức phải trả	293.386.217	548.058.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.891.500.000	727.532
Cộng	2.234.837.059	610.374.552

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Vay dài hạn và nợ dài hạn	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	80.236.000.000	29.999.999.986
- Vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN - chi nhánh 12	80.236.000.000	29.999.999.986
- Vay đối tượng khác	-	-
Cộng	80.236.000.000	29.999.999.986

(*) Chi tiết vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương VN - chi nhánh 12:

- Vay dài hạn theo HĐTD số 102/DH ngày 17 tháng 10 năm 2007, hạn mức cho vay 30.000.000.000 đồng, số dư nợ vay đến 31/12/2009 là 26.720.000.000 đồng, thời hạn vay 108 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản sẽ được xây dựng trên lô đất 16-18-20, khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Vay dài hạn theo HĐTD số 048/HĐTD ngày 09 tháng 05 năm 2008, hạn mức cho vay 68.000.000.000 đồng, số dư nợ vay đến 31/12/2009 là 53.516.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng lãi trả sau cộng biên độ 3,2%/năm. Tài sản bảo đảm là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Công ty.

14. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	62.487.707.800	5.868.284.687	1.406.398.133	9.288.171.312
<i>Lợi nhuận tăng trong năm</i>					<i>843.151.815</i>
<i>Trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2008</i>			<i>1.041.757.171</i>	<i>1.041.757.171</i>	<i>(2.083.514.342)</i>
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2008</i>					<i>(122.559.130)</i>
<i>Chia cổ tức năm 2008</i>					<i>(6.400.000.000)</i>
<i>Xử lý theo biên bản</i>		<i>204.000.000</i>			
<i>Giảm khác</i>			<i>(770.375.588)</i>		<i>(76.800.000)</i>
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	62.691.707.800	6.139.666.270	2.448.155.304	1.448.449.655
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	62.691.707.800	6.139.666.270	2.448.155.304	1.448.449.655
<i>Lỗ trong năm 2009</i>					<i>(50.268.204.151)</i>
<i>Chia cổ tức 2008</i>					<i>(1.448.449.655)</i>
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	62.691.707.800	6.139.666.270	2.448.155.304	(50.268.204.151)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2009	Tỷ lệ	01/01/2009	Tỷ lệ
	VND		VND	
Vốn góp của Nhà nước	3.913.170.000	5%	3.913.170.000	5%
Vốn góp của các cổ đông khác	76.086.830.000	95%	76.086.830.000	95%
Cộng	80.000.000.000	100%	80.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000

d) Cổ phiếu	31/12/2009	01/01/2009
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	337.529.953.077	392.234.118.837
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	337.529.953.077	392.234.118.837

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	135.950.605	145.107.696
Hàng bán bị trả lại	952.397.176	264.766.786
Cộng	1.088.347.781	409.874.482
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	336.441.605.296	391.824.244.355
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	336.441.605.296	391.824.244.355
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	343.638.531.550	369.852.489.795
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	343.638.531.550	369.852.489.795
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	689.344.043	3.048.385.173
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	822.883.688
Cộng	689.344.043	3.871.268.861
6. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.914.721.491	6.317.908.835
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.678.594.361	6.456.653.126
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	509.726.442	-
Chi phí tài chính khác	2.992.115	-

Cộng	21.106.034.409	12.774.561.961
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
Bảng tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(50.268.204.151)	1.337.657.224
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	1.134.869.824
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.134.869.824
+ <i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	<i>1.134.869.824</i>
+ <i>Chi phí phạt vi phạm hành chính</i>	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(50.268.204.151)	2.472.527.048
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	-	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	494.505.409
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(50.268.204.151)	843.151.815
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(50.268.204.151)	843.151.815
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.284)	105
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.154.195.202	128.089.908.920
Chi phí nhân công	10.923.243.122	10.734.749.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.116.383.045	9.813.391.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.909.120.410	7.509.619.121
Chi phí khác bằng tiền	19.174.896.127	14.584.242.635

Cộng

144.102.941.779

170.731.911.812

VII. THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Năm tài chính 2009 là năm đầu tiên Công ty hợp nhất Báo cáo tài chính. Do đó, số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN).

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK TP. HCM
- Lưu HĐQT - Công ty

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CP NHỰA TÂN HÓA

**T/M. Hội Đồng Quản trị
CHỦ TỊCH**

TRƯƠNG TỬ ĐỆ